

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

Số: 991 /TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày 22 tháng 7 năm 2021

## TÒ TRÌNH

Về việc Sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND về việc quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoản kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII (Kỳ họp thứ hai)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp Luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII (Kỳ họp thứ hai) dự thảo Nghị quyết sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND về việc quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoản kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn, như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Việc ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh “Sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND về việc quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoản kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn”, là cần thiết để triển khai đúng, đầy đủ nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 11 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Theo kiến nghị tại Báo cáo số: 89/BC-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh về kết quả giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh: *Nâng mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn tập trung cho học sinh theo định mức khoản kinh phí tối thiểu từ 135% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh lên 200% mức*

*lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh (các tỉnh quanh khu vực như: Bình Định, Quảng Nam, Đăk Lăk đều quy định định mức khoán kinh phí bằng 200% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh).*

Mức khoán kinh phí bằng 135% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh thực hiện đã lâu. Với lương quy định 135% mức lương cơ sở, tương đương 2.011.500 đồng là rất thấp so với thu nhập bình quân đầu người hiện nay, trong khi đó lao động chỉ có 9 tháng/năm, không liên tục, nên các trường khó tìm được hợp đồng lao động.

Do đó, việc ban hành Nghị quyết “Sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND về việc quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn” là cần thiết, đảm bảo quy định.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết “Sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND về việc quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn”, làm cơ sở để triển khai kịp thời, đầy đủ, đúng đối tượng, phù hợp tình hình thực tế của tỉnh về các chính sách hỗ trợ đối với học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐCP.

### **2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

Các quy định tại Nghị quyết chặt chẽ, cụ thể, rõ ràng, đúng pháp luật, đúng quy định của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Gia Lai.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện đúng trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 06/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy chế phối hợp trong công tác xây dựng, kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sở Giáo dục và Đào tạo được phân công chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng dự thảo Nghị quyết. Dự thảo Nghị quyết đã được các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham gia góp ý và được Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số 1128/STP-XD&KTVB ngày 20/7/2021.

#### **IV. BỘ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

##### **1. Bộ cục**

Dự thảo Nghị quyết xây dựng gồm 02 điều, cụ thể:

Điều 1. Mức hỗ trợ

Điều 2. Điều khoản thi hành

##### **2. Nội dung cơ bản**

Sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND về việc quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoản kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn, như sau:

Trường phổ thông dân tộc bán trú tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh được hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh theo mức khoản kinh phí bằng 200% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh, số dư từ 15 học sinh trở lên được tính thêm một lần định mức; nhưng mỗi trường chỉ được hưởng không quá 05 lần định mức/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm.

(*Gửi kèm theo Tờ trình này: Dự thảo Nghị quyết sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND về việc quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoản kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; Văn bản thẩm định của Sở Tư pháp).*

#### **V. DỰ KIÉN NGUỒN LỰC CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

Nguồn kinh phí được phân cấp quản lý chi theo qui định; cụ thể, bậc học Mầm non đến THCS do ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố đảm bảo, THPT do ngân sách tỉnh đảm bảo. Vì vậy nguồn lực thực hiện được bố trí trong chi hoạt động sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo thuộc ngân sách các cấp.

#### **VI. THỜI GIAN DỰ KIÉN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT**

Trình kỳ họp thứ hai - HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./. V

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Ban VHXH HĐND tỉnh;
- Ban pháp chế HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Đ/c CVP, các PVP.UBND tỉnh;
- Lưu VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thanh Lịch

*Nguyễn Thị Thanh Lịch*

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

Số: /2021/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày tháng năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND về việc quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI  
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Xét Tờ trình số ...../TT-UBND ngày....tháng....năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND về việc quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

### **Điều 1. Mức hỗ trợ**

Sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI về việc quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn, như sau:

Trường phổ thông dân tộc bán trú tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh được hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh theo mức khoán kinh phí bằng 200% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh, số dư từ 15 học sinh trở lên được tính thêm một lần định mức; nhưng mỗi trường chỉ được hưởng không quá 05 lần định mức/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm.

### **Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XII, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày ... tháng .... năm 2021 và có hiệu lực từ ngày...tháng...năm 2021./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban TVQH;
- VPQH; VPCP;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư Pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**

## TỜ TRÌNH

Về việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII (kỳ họp thứ hai) sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND về việc quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp Luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Sở Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII (Kỳ họp thứ hai) dự thảo Nghị quyết sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND về việc quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn, như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Việc ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh “Sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND về việc quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn”, là cần thiết để triển khai đúng, đầy đủ nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 11 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Theo kiến nghị tại Báo cáo số: 89/BC-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh về kết quả giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh: *Nâng mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn tập trung cho học sinh theo định mức khoán kinh phí tối thiểu từ 135% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh lên 200% mức*

*lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh (các tỉnh quanh khu vực như: Bình Định, Quảng Nam, Đăk Lăk đều quy định định mức khoán kinh phí bằng 200% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh).*

Mức khoán kinh phí bằng 135% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh thực hiện đã lâu. Với lương quy định 135% mức lương cơ sở, tương đương **2.011.500** đồng là rất thấp so với thu nhập bình quân đầu người hiện nay, trong khi đó lao động chỉ có 9 tháng/năm, không liên tục, nên các trường khó tìm được hợp đồng lao động.

Do đó, việc ban hành Nghị quyết “Sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND về việc quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn” là cần thiết, đảm bảo quy định.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết “Sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND về việc quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn”, làm cơ sở để triển khai kịp thời, đầy đủ, đúng đối tượng, phù hợp tình hình thực tế của tỉnh về các chính sách hỗ trợ đối với học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐCP.

### **2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

Các quy định tại Nghị quyết chặt chẽ, cụ thể, rõ ràng, đúng pháp luật, đúng quy định của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Gia Lai.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện đúng trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 06/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy chế phối hợp trong công tác xây dựng, kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sở Giáo dục và Đào tạo được phân công chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng dự thảo

Nghị quyết. Dự thảo Nghị quyết đã được các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham gia góp ý và được Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số 1128/STP-XD&KTVB ngày 20/7/2021.

#### **IV. BỘ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

##### **1. Bộ cục**

Dự thảo Nghị quyết xây dựng gồm 02 điều, cụ thể:

Điều 1. Mức hỗ trợ

Điều 2. Điều khoản thi hành

##### **2. Nội dung cơ bản**

Sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND về việc quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn, như sau:

Trường phổ thông dân tộc bán trú tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh được hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh theo mức khoán kinh phí bằng 200% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh, số dư từ 15 học sinh trở lên được tính thêm một lần định mức; nhưng mỗi trường chỉ được hưởng không quá 05 lần định mức/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm.

(Giri kèm theo Tờ trình này: Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; Văn bản thẩm định của Sở Tư pháp).

#### **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

Nguồn kinh phí được phân cấp quản lý chi theo qui định; cụ thể, bậc học Mầm non đến THCS do ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố đảm bảo, THPT do ngân sách tỉnh đảm bảo. Vì vậy nguồn lực thực hiện được bố trí trong chi hoạt động sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo thuộc ngân sách các cấp.

#### **VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT**

Trình kỳ họp thứ hai - HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026.

Sở Giáo dục và Đào tạo kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu VT, KHTC.



Lê Duy Định

Số: 1128/STP-XD&KTVB

Gia Lai, ngày 20 tháng 7 năm 2021

V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết  
về việc sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị  
quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày  
08/12/2016 của Hội đồng nhân dân  
tỉnh

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo.

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 1527/SGDĐT-KHTC ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thẩm định dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết về việc sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn (sau đây viết là dự thảo văn bản), các tài liệu khác kèm theo Văn bản số 1527/SGDĐT-KHTC, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

### **I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN**

Thống nhất phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo văn bản.

### **II. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC; TÍNH HỢP HIỆN, TÍNH HỢP PHÁP VÀ TÍNH THÔNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT**

#### **1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước**

Nội dung dự thảo văn bản đảm bảo phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

#### **2. Thẩm quyền ban hành văn bản**

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; điểm a khoản 5 Điều 11 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số

37/2016/NQ-HĐND về việc quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn là đúng thẩm quyền.

### **3. Nội dung dự thảo văn bản**

Căn cứ mẫu số 36 phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời để đảm bảo nội dung được chính xác, đề nghị:

a) Ở tên gọi của dự thảo văn bản, sửa như sau: “**Sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND về việc quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn**”.

b) Tại Điều 1, sửa như sau:

**Điều 1. Sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND về việc quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn như sau:**

“2. Tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh

Trường phổ thông dân tộc bán trú tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh được hỗ trợ kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh theo mức khoán kinh phí bằng 200% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh, số dư từ 15 học sinh trở lên được tính thêm một lần định mức; nhưng mỗi trường chỉ được hưởng không quá 05 lần định mức/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm.”

c) Tại Điều 2, Điều 3, bổ sung tên Điều là cụm từ chỉ nội dung chính của Điều.

### **III. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI VĂN BẢN ĐÃ GIAO CHO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUY ĐỊNH CHI TIẾT**

Nội dung dự thảo văn bản đảm bảo phù hợp với quy định của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP.

### **IV. NGÔN NGỮ VÀ KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN**

Đề nghị đối chiếu dự thảo văn bản với mẫu số 36 phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và các quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; chỉnh sửa một số lỗi, như:

- Tại phần căn cứ ban hành văn bản, thay dấu chấm(.) bằng dấu chấm phẩy(;) ở căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP;
- Chỉnh sửa một số lỗi chính tả tại dự thảo văn bản;...

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo văn bản. Dự thảo văn bản đủ điều kiện để cơ quan soạn thảo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo quy định; tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu các ý kiến tại khoản 3 mục II, mục IV Văn bản này; chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo văn bản trước khi tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu: XD&KTVB; VT/TP.

**GIÁM ĐỐC**



Lê Thị Ngọc Lam

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI  
Số: 899 /TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Gia Lai, ngày 07 tháng 7 năm 2021

## TỜ TRÌNH

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị quyết Số 37/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về việc Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về việc Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;*

*Căn cứ Báo cáo số 89/BC-HĐND ngày 29/5/2019 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh về kết quả giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh và căn cứ vào trị giá tiêu dùng năm 2016 và 2021.*

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Nghị quyết Số 37/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về việc Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; cụ thể như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ QUYẾT

Tại Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết 37/2016/NQ quy định tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn tại các cơ sở trường học:

*"Trường phổ thông dân tộc bán trú tổ chức điều ăn tập trung cho học sinh được hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh theo định mức khoán kinh phí bằng 135% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh, số dư từ 15 em trở lên được*

tính thêm một lần định mức; nhưng mỗi trường chỉ được hưởng không quá 05 lần định mức nếu trên/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm”.

1. Mức khoán kinh phí bằng 135% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh thực hiện đã lâu, hiện nay mức khoán này không còn phù hợp, khó khăn trong hợp đồng lao động phục vụ nấu ăn cho học sinh các trường phổ thông dân tộc bán trú.

2. Chưa có quy định mức khoán hỗ trợ kinh phí nấu ăn tập trung ở các trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Chưa có quy định mức khoán hỗ trợ kinh phí nấu ăn tập trung ở các trường có bếp ăn phục vụ cho 15 đến 29 học sinh.

## **II. NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Quy định hiện hành của Nghị quyết**

Tại Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết 37/2016/NQ quy định tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn tại các cơ sở trường học:

*“Trường phổ thông dân tộc bán trú tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh được hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh theo định mức khoán kinh phí bằng 135% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh, số dư từ 15 em trở lên được tính thêm một lần định mức; nhưng mỗi trường chỉ được hưởng không quá 05 lần định mức nếu trên/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm”.*

### **2. Nội dung đề nghị sửa đổi đối với khoản 2, Điều 1, Nghị quyết 37/2016/NQ**

Đề nghị xin tăng thêm mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh đối với Trường phổ thông dân tộc bán trú tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ (*sau khi Thường trực HĐND tỉnh cho chủ trương xây dựng Nghị quyết, UBND tỉnh sẽ căn cứ các quy định và đổi ngân nguồn sách để xây dựng mức hỗ trợ cụ thể trình HĐND tỉnh*).

### **3. Nội dung đề nghị bổ sung khoản 2, Điều 1, Nghị quyết 37/2016/NQ**

Xin bổ sung tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn tại các Trường phổ thông dân tộc bán trú có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ, có số lượng học sinh từ **15 đến 29 em** (*sau khi Thường trực HĐND tỉnh cho chủ trương xây dựng Nghị quyết, UBND tỉnh sẽ căn cứ các quy định và đổi ngân nguồn sách để xây dựng mức hỗ trợ cụ thể trình HĐND tỉnh*).

## **III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

Theo Nghị Quyết 37/2016/NQ-HĐND mức khoán kinh phí đối với bếp ăn phục vụ trên 30 người bằng 135% mức lương cơ sở tương đương với số tiền 2.011.500đ/người/tháng là rất thấp, không còn phù hợp. Đối với bếp ăn phục vụ

dưới 30 học sinh, Nghị quyết 37/2016/NQ-HĐND chưa có quy định, nay UBND tỉnh đề xuất bổ sung thêm mức chi phục vụ cho đối tượng này. Hiện nay toàn tỉnh có 25 trường phổ thông dân tộc bán trú, bình quân mỗi trường có từ 2-3 hợp đồng phục vụ bếp ăn cho học sinh. Theo đó, nhu cầu kinh phí tăng thêm cho mỗi trường từ 17 đến 25 triệu đồng/năm (*tính sơ bộ theo mức tối thiểu như đề xuất của Ban Dân tộc – HĐND tỉnh tại Báo cáo số 89/BC-HĐND ngày 29/5/2019*). Tổng kinh phí tăng thêm không quá cao, vì vậy nguồn để thực hiện chính sách được bố trí trong chi hoạt động sự nghiệp giáo dục và đào tạo thuộc ngân sách địa phương, đảm bảo điều kiện để thi hành Nghị quyết; UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng quy định.

#### **IV. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

Trình kỳ họp thứ Hai - HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho chủ trương sửa đổi, bổ sung Nghị quyết nêu trên./. Minh

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Ban VHXH HĐND tỉnh;
- Ban pháp chế HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Đ/c CVP, các PVP.UBND tỉnh;
- Lưu VT, KGVX.h

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Thanh Lịch**

UBND TỈNH GIA LAI  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 850 /SGDĐT-KHTC  
V/v đề xuất UBND tỉnh trình  
Thường trực HĐND tỉnh sửa đổi bổ  
sung Nghị quyết Số 37/2016/NQ-  
HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND  
tỉnh về quy định khoảng cách và địa  
bàn để xác định học sinh không thể  
đi đến trường và trở về nhà trong  
ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ  
nấu ăn cho học sinh ở các trường học  
trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số  
116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016  
của Chính phủ về việc Quy định  
chính sách hỗ trợ học sinh và trường  
phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó  
khăn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 05 tháng 5 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về  
việc Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt  
khó khăn;*

*Căn cứ Báo cáo số 89/BC-HĐND ngày 29/5/2019 của Ban Dân tộc  
HĐND tỉnh về kết quả giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và  
trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.*

Sở Giáo dục và Đào tạo kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường  
trực Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết Số 37/2016/NQ-  
HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về quy định khoảng cách và địa bàn để  
xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán  
kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị  
định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về việc Quy định chính  
sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn, cụ thể như  
sau:

**1. Căn cứ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết**

Tại Điểm d, Khoản 2, Điều 5, Nghị định 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ  
có quy định:

“Trường phổ thông dân tộc bán trú tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh được hỗ trợ kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh theo định mức khoán kinh phí tối thiểu bằng 135% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh, số dư từ 15 học sinh trở lên được tính thêm một lần định mức; nhưng mỗi trường chỉ được hưởng không quá 05 lần định mức nêu trên/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm”.

Tại Khoản 3, Điều 5, Nghị định 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ có quy định:

“Trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này: Được hỗ trợ kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh theo quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều này”

Tại Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết 37/2016/NQ quy định tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn tại các cơ sở trường học quy định:

“Trường phổ thông dân tộc bán trú tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh được hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh theo định mức khoán kinh phí bằng 135% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh, số dư từ 15 em trở lên được tính thêm một lần định mức; nhưng mỗi trường chỉ được hưởng không quá 05 lần định mức nêu trên/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm”.

## **2. Nội dung đề nghị sửa đổi**

Sửa đổi Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết 37/2016/NQ quy định tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn tại các cơ sở trường học, cụ thể:

“Trường phổ thông dân tộc bán trú tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ được hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh theo định mức khoán kinh phí bằng 200% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh, số dư từ 15 em trở lên được tính thêm một lần định mức; nhưng mỗi trường chỉ được hưởng không quá 05 lần định mức nêu trên/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm”.

## **3. Nội dung đề nghị bổ sung**

Bổ sung Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết 37/2016/NQ quy định tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn tại các cơ sở trường học, cụ thể:

“Trường phổ thông dân tộc bán trú có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ, có số lượng học sinh từ 15 đến 29 em được được hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh theo định mức khoán kinh phí bằng 160% mức lương cơ sở/01 tháng, thời gian hỗ trợ không quá 9 tháng/01 năm”

## **4. Thời gian dự kiến trình thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung**

Trình kỳ họp thứ Nhất - HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026.

## 5. Dự kiến nguồn lực cho việc thi hành Nghị quyết

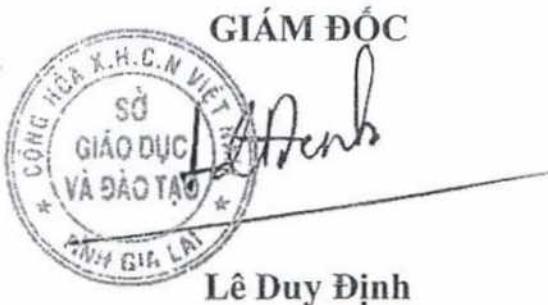
Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ bố trí đảm bảo nguồn lực, điều kiện để thi hành Nghị quyết; chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng quy định.

Căn cứ Khoản 2, Điều 117 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Sở Giáo dục và Đào tạo dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh cho chủ trương sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 37/2016/NQ của HĐND tỉnh (*Có dự thảo kèm theo*).

Sở Giáo dục và Đào tạo kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu VT, KHTC.



Lê Duy Định

Số: 89/BC - HDND

Gia Lai, ngày 29 tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO

Số: 252/1 Kết quả giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường  
ĐẾN Ngày: 30/5/2019

Chuyên: KHTC

Thực hiện Quyết định số 83/QĐ-HĐND ngày 02/4/2019 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh về việc thành lập Đoàn giám sát “việc thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh”, Thông báo số 86/TB-HĐND ngày 19/4/2019 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh, từ ngày 06 - 10/5/2019, Đoàn giám sát đã tổ chức làm việc trực tiếp với các Sở: Giáo dục - Đào tạo, Tài chính, Kế hoạch - Đầu tư, UBND các huyện: König Chro, Phú Thiện, Đak Đoa và đi thực tế tại các trường học: PTDTBT TH&THCS Nguyễn Khuyên, PTDTBT TH&THCS Yang Nam (huyện König Chro); trường PTDTBT THCS Nguyễn Bá Ngọc, PTDTBT TH Nay Der (huyện Phú Thiện); trường THCS Nay Der, THCS Lê Quý Đôn (huyện Đak Đoa). Đồng thời, giám sát thông qua báo cáo đối với UBND các huyện còn lại<sup>1</sup>.

A. KẾT QUẢ GIÁM SÁT

I. Kết quả đạt được

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện

- Sau khi có Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ, Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh trình HĐND ban hành Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh “về việc quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ hoàn kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn”.

- UBND tỉnh đã ban hành các quyết định phê duyệt hỗ trợ gạo theo từng đợt<sup>2</sup>; Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện tiếp nhận hồ sơ của các trường trình UBND cấp huyện phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016.

<sup>1</sup> Đến thời điểm giám sát UBND các huyện Chu Pui, Krông Pa, Ia Pa chưa có báo cáo.

<sup>2</sup> Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt số lượng học sinh được hỗ trợ gạo đợt 2 (3 tháng) của học kỳ I, năm học 2016-2017; Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt số lượng học sinh được hỗ trợ gạo của học kỳ II, năm học 2016-2017; Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt số lượng học sinh được hỗ trợ gạo của học kỳ I, năm học 2017-2018; Quyết định số 32/CĐ-UBND, ngày 26/02/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt số lượng học sinh được hỗ trợ gạo của học kỳ II, năm học 2017-2018; Quyết định số 447/QĐ-UBND, ngày 24/9/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt số lượng học sinh được hỗ trợ gạo của học kỳ I, năm học 2018-2019; Quyết định số 78/QĐ-UBND, ngày 31/01/2019 của UBND tỉnh về phê duyệt số lượng học sinh được hỗ trợ gạo của học kỳ II, năm học 2018-2019.

## **2. Công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung chính sách**

Công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung chính sách được triển khai đến toàn thể cán bộ, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh (hoặc người giám hộ hợp pháp). Đã có sự phối hợp giữa Sở Giáo dục - Đào tạo, Phòng Giáo dục - Đào tạo và cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc triển khai thực hiện Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ qua đó, các trường thông báo rộng rãi về chế độ chính sách và hướng dẫn cho cha mẹ học sinh (hoặc người giám hộ hợp pháp), học sinh lập hồ sơ có đầy đủ đơn đề nghị và bản sao sổ hộ khẩu theo đúng quy định.

## **3. Công tác xét duyệt học sinh thuộc diện được thụ hưởng chính sách**

Qua giám sát, các trường tổ chức rà soát xét duyệt, đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ và triển khai đúng quy trình, quy định.

Hầu hết các trường lập danh sách theo lớp và thực hiện chi trả cấp phát trực tiếp chế độ cho các em học sinh và ký nhận đầy đủ theo quy định (Mỗi học sinh được hưởng không quá 9 tháng/năm học, bao gồm tiền ăn mức hỗ trợ 40% mức lương cơ sở, tiền nhà ở hỗ trợ 10% mức lương cơ sở nếu học sinh phải tự túc chỗ ở do nhà trường không thể bố trí ở trong trường, mỗi tháng học sinh được hỗ trợ 15 kg gạo và trường PTDTBT được hỗ trợ các kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, mua sắm bổ sung,...).

## **II. Kết quả thực hiện**

### **1. Việc triển khai thực hiện chính sách đối với học sinh**

**1.1 Hỗ trợ tiền ăn và nhà ở:** Theo báo cáo của Sở Tài chính, tổng kinh phí hỗ trợ tiền ăn và nhà ở cho học sinh và trường PTDTBT trên địa bàn tỉnh trong 04 năm (2016- đến ngày 31/3/2019) là 142.171 triệu đồng. Trong đó, kinh phí hỗ trợ cho học sinh là 138.612 triệu đồng, kinh phí hỗ trợ cho cấp dưỡng là 3.560 triệu đồng (*có phụ lục kèm theo*).

**1.2 Hỗ trợ gạo:** Theo báo cáo của Sở Giáo dục - Đào tạo, tổng số lượng gạo cấp hỗ trợ cho học sinh trong 4 năm (từ năm học 2016-2017 đến năm học 2018-2019) là 3.869.835 kg gạo cho 65.649 học sinh.

### **2. Việc thực hiện chính sách đối với các Trường phổ thông DTBT**

**2.1 Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị:** Theo báo cáo của Sở Kế hoạch - Đầu tư trong giai đoạn 2016-2019, đã bố trí 22.208 triệu đồng lồng ghép từ nhiều nguồn vốn đã đầu tư cho 14 trường PTDTBT<sup>3</sup> tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.

### **2.2 Kinh phí mua sắm dụng cụ thể dục, thể thao và tủ thuốc dùng chung:**

- Qua giám sát thực tế, ngoài kinh phí hỗ trợ tiền ăn, nhà ở, gạo các trường PTDTBT được bổ sung kinh phí mua sắm, sửa chữa dụng cụ thể dục thể thao và

<sup>3</sup> Phú thiện: 03 trường với TMĐT: 2,259 tỷ đồng; Kbang: 02 trường với TMĐT: 2,8 tỷ đồng; Chư Sê: 01 trường với TMĐT: 2,7 tỷ đồng; Đak Đoa: 02 trường với TMĐT: 2,8 tỷ đồng; Mang Yang: 02 trường với TMĐT: 2,382 tỷ đồng; Kong Chro: 03 trường với TMĐT: 16,269 tỷ đồng; Krông Pa: 01 trường với TMĐT: 0,447 tỷ đồng

phương tiện phục vụ sinh hoạt văn hóa, văn nghệ với mức 100.000 đồng/học sinh bán trú/năm học.

- Ngoài ra, các trường đều lập tủ thuốc dùng chung cho khu bán trú với mức hỗ trợ 50.000đ/học sinh bán trú/năm học. Chủ yếu là các loại thuốc thông thường đủ đáp ứng nhu cầu phòng bệnh và xử lý những trường hợp sơ cứu ban đầu.

### 2.3 Việc tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh:

+ Đối với các trường phổ thông dân tộc bán trú và một số trường phổ thông có tổ chức nấu ăn cho học sinh:

Hầu hết các trường đều thỏa thuận thống nhất với phụ huynh học sinh về mức ăn hàng ngày, số ngày ăn trong tháng trên cơ sở số tiền học sinh được hưởng. Hàng ngày, nhà trường phân công nhân viên theo dõi, ghi chép đầy đủ số ngày ăn của học sinh, cuối tháng, sau khi khấu trừ, nhà trường cấp chi trả đầy đủ cho các em học sinh số kinh phí được hưởng trong những ngày không ăn còn lại trong tháng. Việc chi trả chế độ hàng tháng được thực hiện theo đúng quy định, đối với các em học sinh tiểu học các trường thực hiện chi trả các chế độ thông qua phụ huynh, học sinh cùng nhận.

+ Đối với các trường phổ thông không nấu ăn tập trung:

Qua giám sát thực tế, các trường phổ thông không tổ chức nấu ăn cho học sinh là đối tượng chính sách theo quy định, trường tổ chức cấp phát và chi trả trực tiếp cho học sinh (có ký xác nhận đầy đủ).

## III. Đánh giá chung

### 1. Ưu điểm

- Việc thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ và Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh đã được UBND tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các sở, ngành, UBND các huyện tổ chức triển khai đúng quy định, đúng đối tượng. Công tác chi trả hỗ trợ tiền ăn, tiền ở, gạo và một số nội dung hoạt động khác đã được các trường triển khai kịp thời, đảm bảo chế độ hỗ trợ cho học sinh. Chất lượng dạy và học có nhiều chuyên biến tích cực, tỷ lệ học sinh khá, giỏi được nâng lên, tỷ lệ học sinh bỏ học giảm nhiều so với trước<sup>4</sup>.

- Cơ sở vật chất trang thiết bị trường học được quan tâm đầu tư xây dựng cơ bản đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập, tạo điều kiện cho các em học sinh nhất là người DTTS trong tỉnh được đến trường, đến lớp. Công tác nấu ăn tập trung, vệ sinh an toàn thực phẩm ở các trường bán trú được bảo đảm, chất lượng nuôi dưỡng học sinh từng bước cải thiện. Mỗi trường học tập bán trú đã góp phần rèn luyện về kỹ năng sống cho học sinh, giúp các em tự tin trong giao tiếp, ý thức trong học tập.

- Các chế độ chính sách được thực hiện đảm bảo theo đúng quy định,

<sup>4</sup> Theo báo cáo của Sở Giáo dục - Đào tạo: Năm học 2015-2016 tỷ lệ học sinh khá, giỏi: 45,1%, tỷ lệ bỏ học 1,1%; năm học 2017- 2018 tỷ lệ khá, giỏi: 62,6%, tỷ lệ học sinh bỏ học 1%; Trường PTDTBT TH & THCS Nguyễn Khuyến: tỷ lệ chuyên cần luôn tăng năm 2016-2017: 96,07%, năm học 2017-2018: 98,06%, năm học 2018-2019: 100%; Trường PTDT BTTH & THCS Yang Naun: năm 2016-2017 tỷ lệ học sinh bỏ học 1,09%, năm học 2018-2019 không còn học sinh bỏ học.

không có đơn thư khiếu nại của phụ huynh về các chế độ hỗ trợ.

## 2. Những tồn tại, khó khăn

- Điều kiện cơ sở vật chất tại các trường PTDT bán trú phục vụ ăn, ở như nhà ở cho học sinh, nhà bếp, nhà ăn, công trình vệ sinh, nước sinh hoạt chưa đáp ứng nhu cầu; khu vui chơi giải trí cho các em học sinh còn thiếu sân chơi bóng đá, bóng rổ (trường PTDTBT THCS Nguyễn Bá Ngọc, PTDTBT TH Nay Der huyện Phú Thiện)...

- Một số trường diện tích phòng ngủ của các em chật hẹp có phòng chỉ 14m<sup>2</sup> có tới 12 em; điều kiện sử dụng nước sinh hoạt, nước sạch còn thiếu làm ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt, học tập hằng ngày của các em như trường PTDTBT THCS Nguyễn Bá Ngọc, PTDTBT THCS Trần Kiên, PTDTBT TH&THCS Yang Nam, PTDTBT TH&THCS SRÓ.

- Nhà trường hầu hết đều thiếu nhân viên y tế; các tủ thuốc được trang bị mới chỉ có dụng cụ sơ cứu y tế ban đầu và các loại thuốc thông thường.

- Chất lượng gạo tương đối đảm bảo nhưng để lâu 3, 4 tháng nhà trường không có kho bảo quản nên chất lượng gạo giảm. Một số trường bán trú gặp nhiều khó khăn trong việc hỗ trợ gạo và tiền ăn để nuôi dưỡng học sinh trong thời gian nhập học sớm của năm học từ 15 tháng 8 hàng năm.

- Việc thực hiện kinh phí chi trả cho nhân viên cấp dưỡng ở các trường bán trú còn nhiều lúng túng trong việc thực hiện định mức chi trả và định mức số người phục vụ. Chưa có quy định cụ thể mức khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho bếp ăn đối với trường có dưới 30 học sinh, nên các trường còn lúng túng trong việc thực hiện chế độ.

- Việc hoàn thiện hồ sơ cho các em ở một số trường còn chậm trễ thời gian quy định.

- Việc cấp kinh phí hỗ trợ tiền ăn, ở cho học sinh chưa thực hiện thống nhất giữa các địa phương (có một số trường chỉ cấp gạo không thực hiện cấp tiền ăn, tiền nhà ở như trường THCS Nay Der, THCS Lê Quý Đôn huyện Đak Đoa).

## 3. Nguyên nhân

- Do địa bàn rộng, khoảng cách từ nhà đến trường xa, giao thông đi lại khó khăn nên các em học sinh trường PTDTBT ăn ở sinh hoạt như học sinh nội trú vì vậy, với mức hỗ trợ mỗi tháng bằng 40% mức lương cơ sở nên chất lượng bữa ăn của các em chưa được đảm bảo.

- Hầu hết các trường đều thiếu nhân viên y tế học đường.

- Vào thời điểm mùa nương rẫy một số học sinh nghỉ học để phụ giúp gia đình nên sĩ số học sinh đến lớp chưa cao.

- Việc hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của các ngành, các cấp chưa được thống nhất, cụ thể. Công tác phối hợp giữa phòng Giáo dục - Đào tạo, phòng Tài chính - Kế hoạch và nhà trường chưa thường xuyên, đồng bộ nên việc triển khai thực hiện chưa thống nhất.

- Phụ huynh học sinh đa số là người dân tộc thiểu số về trình độ dân trí chưa cao nên một số cha mẹ thiểu số quan tâm đến việc làm hồ sơ cho con mình còn ý lại nhà trường.

## B. KIẾN NGHỊ

### I. Đối với UBND tỉnh

1. Đề nghị nên cấp hỗ trợ gạo cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ thành 3 đợt/năm học để đảm bảo tốt công tác bảo quản chất lượng và số lượng gạo cho học sinh.

2. Xem xét cân đối từ nguồn ngân sách của tỉnh để hỗ trợ tiền ăn, thêm  $\frac{1}{2}$  tháng gạo cho học sinh trong thời gian các em học sinh bán trú nhập học từ 15 tháng 8 theo lịch tập trung hàng năm (*theo quy định của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP hỗ trợ gạo mỗi học sinh được hưởng không quá 9 tháng/01 năm học*).

3. Xem xét trình HĐND tỉnh sửa đổi một số nội dung trong Nghị quyết 37/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh “*Về việc quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về việc Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn*” cụ thể như sau:

- Nâng mức hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn tập trung cho học sinh theo định mức khoán kinh phí tối thiểu từ 135% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh lên 200% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh (các tỉnh quanh khu vực như: Bình Định, Quãng Nam, Đăk Lăk... đều quy định định mức khoán kinh phí bằng 200% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh).

- Quy định cụ thể định mức khoán hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn tập trung đối với các trường với định mức tối thiểu là 150% mức lương cơ sở/tháng có bếp ăn phục vụ cho 15 đến 29 học sinh (*hiện tại dưới 30 học sinh chưa có quy định định mức khoán*).

4. Chỉ đạo các sở, ngành sớm có văn bản hướng dẫn cụ thể để thống nhất việc thực hiện chế độ hỗ trợ tiền ăn, nhà ở cho học sinh theo quy định và tăng cường công tác kiểm tra việc triển khai thực hiện.

### II. Đối với UBND các huyện

1. Hàng năm ưu tiên bố trí kinh phí đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất (nhà bếp, nhà ăn, nhà ở, công trình nước sinh hoạt và nhà vệ sinh...) đủ điều kiện phục vụ học sinh trường PTDTBT.

2. Chỉ đạo các phòng ban liên quan thường xuyên kiểm tra đối với các trường trong việc lãnh đạo; chỉ đạo triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm đảm bảo đúng đối tượng, mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ; kiểm tra việc chi trả cấp phát các chế độ cho học sinh; hướng dẫn cho các trường triển khai đầy đủ hồ sơ và thực hiện đúng trình tự về thời gian thực hiện khi tổ chức xét duyệt hồ sơ hưởng chế độ.

3. Tăng cường công tác kiểm tra về an toàn thực phẩm đối với các trường có tổ chức nấu ăn cho học sinh bán trú.

4. Chỉ đạo các trường PTDTBT tăng cường công tác quản lý học sinh, tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa giúp các em phát triển toàn diện; thực hiện công khai bảng thực đơn, đơn giá bữa ăn hàng ngày của học sinh; tổ chức vệ sinh khuôn viên trường, hướng dẫn các em lao động sản xuất như trồng rau, chăn nuôi...

5. Hướng dẫn các trường học không có nhân viên y tế ban hành quy chế phối hợp giữa nhà trường với các trạm y tế xã để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho các em học sinh.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát “việc thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh”, Ban Dân tộc HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh theo dõi, chỉ đạo./. *Menz*

*Nơi nhận:*

- Hội đồng Dân tộc Quốc hội;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các thành viên Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các sở: GD-ĐT, Tài chính, KH-ĐT;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND, phòng GD-ĐT các huyện;
- VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- LĐ Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT- DT.

TM. BAN DÂN TỘC  
TRƯỞNG BAN



*Hồ Văn Diệm*

# Tài liệu 2

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI  
Số: 37/2016/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 08 tháng 12 năm 2016

## NGHỊ QUYẾT

V/v quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về việc Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI KHOÁ XI - KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về việc Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Xét Tờ trình số 5008/TTr-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh về việc đề nghị thông qua quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về việc Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Quy định khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ, như sau:

1. Quy định về khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hướng dẫn theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ

a) Học sinh tiểu học và trung học cơ sở thuộc đối tượng theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ:

- Đối với trường hợp nhà ở xa trường: Khoảng cách từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học và từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở.

- Đôi với địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: Học sinh đi học phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá phải có khoảng cách từ 2 km trở lên đối với học sinh tiêu học và từ 3 km trở lên đối với học sinh cấp trung học cơ sở.

b) Học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số thuộc đối tượng theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ:

- Đôi với trường hợp nhà ở xa trường: Khoảng cách từ 10 km trở lên.

- Đôi với địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: Học sinh đi học phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá phải có khoảng cách từ 5 km trở lên.

c) Học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh, ngoài điều kiện quy định tại điểm b còn phải là nhân khẩu trong gia đình thuộc hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

## 2. Quy định tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn tại các cơ sở trường học:

Trường phổ thông dân tộc bán trú tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh được hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh theo mức khoán kinh phí bằng 125% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh, số dư từ 15 em trở lên được tính thêm một lần định mức; nhưng mỗi trường chỉ được hưởng không quá 05 lần định mức nêu trên/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm.

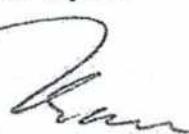
**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khoá XI, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2016./.

### Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ GD-ĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, HĐND, Đoàn ĐBQH, UBND tỉnh (đăng công báo);
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính, GD-ĐT;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT- HĐND.

CHỦ TỊCH



Dương Văn Trang



Số: 116/2016/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2016

**NGHỊ ĐỊNH****QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HỌC SINH VÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG Ở XÃ, THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN***Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;**Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.***Điều 1. Phạm vi Điều chỉnh**

Nghị định này quy định đối tượng, mức hỗ trợ, hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền, quy trình cấp phát và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với học sinh tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Đối với học sinh, gồm:

- Học sinh tiểu học và trung học cơ sở theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định này;
- Học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định này;
- Học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

2. Đối với các trường phổ thông, gồm:

- Trường phổ thông dân tộc bán trú;
- Trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Trường phổ thông dân tộc bán trú: Là trường phổ thông chuyên biệt được Nhà nước thành lập cho con em các dân tộc thiểu số, con em gia đình các dân tộc định cư lâu dài tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn nhằm góp phần tạo nguồn đào tạo cán bộ cho các vùng này. Trường phổ thông dân tộc bán trú có số lượng học sinh bán trú theo quy định hiện hành.

2. Học sinh bán trú: Là học sinh mà bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn được Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép ở lại trường hoặc khu vực gần trường để học tập trong tuần, do không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày.

**Điều 4. Điều kiện học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ**

1. Đối với học sinh tiểu học và trung học cơ sở phải bảo đảm một trong các Điều kiện sau:

- Là học sinh bán trú đang học tại trường phổ thông dân tộc bán trú;
- Là học sinh mà bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở thuộc xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

Nhà ở xa trường Khoảng cách từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học và từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: Phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá;

- Là học sinh mà bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở thuộc xã khu vực II vùng

dân tộc và miền núi. Nhà ở xa trường hoặc địa hình cách trở giao thông đi lại khó khăn cụ thể như quy định tại Điều b Khoản 1 Điều này.

2. Đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số, phải bảo đảm các Điều kiện sau:

- a) Đang học tại trường trung học phổ thông hoặc cấp trung học phổ thông tại trường phổ thông có nhiều cấp học;
- b) Bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

Nhà ở xa trường Khoảng cách từ 10 km trở lên hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: Phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá.

3. Đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh, ngoài các Điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này còn phải là nhân khẩu trong gia đình thuộc hộ nghèo.

#### Điều 5. Mức hỗ trợ

1. Học sinh thuộc đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này được hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở và gạo với mức hỗ trợ như sau:

- a) Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh được hỗ trợ mỗi tháng bằng 40% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 9 tháng/năm học/học sinh;
- b) Hỗ trợ tiền nhà ở: Đối với học sinh phải tự túc chỗ ở do nhà trường không thể bố trí ở bán trú trong trường, mỗi tháng được hỗ trợ bằng 10% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 9 tháng/năm học/học sinh;
- c) Hỗ trợ gạo: Mỗi học sinh được hỗ trợ mỗi tháng 15 kg gạo và được hưởng không quá 9 tháng/năm học/học sinh.

2. Trường phổ thông dân tộc bán trú được hỗ trợ:

- a) Đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị, bao gồm: Nhà ở, giường nằm, nhà bếp, phòng ăn, nhà tắm, công trình vệ sinh, công trình nước sạch và các thiết bị kèm theo cho học sinh bán trú theo tiêu chuẩn thiết kế trường học hiện hành;
- b) Mua sắm bổ sung, sửa chữa dụng cụ thể dục, thể thao, nhạc cụ, máy thu hình, phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể dục, thể thao và các vật dụng khác cho học sinh bán trú với mức hỗ trợ 100.000 đồng/học sinh bán trú/năm học;
- c) Lập tủ thuốc dùng chung cho khu bán trú, mua các loại thuốc thông thường với cơ sở thuốc đủ đáp ứng yêu cầu phòng bệnh và xử lý những trường hợp cấp cứu đột xuất với mức hỗ trợ 50.000 đồng/học sinh bán trú/năm học;
- d) Trường hợp trường phổ thông dân tộc bán trú tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh được hỗ trợ kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh theo định mức khoản kinh phí tối thiểu bằng 135% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh, số dư từ 15 học sinh trở lên được tính thêm một lần định mức; nhưng mỗi trường chỉ được hưởng không quá 05 lần định mức nêu trên/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm.

3. Trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này: Được hỗ trợ kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh theo quy định tại Điều d Khoản 2 Điều này; được hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất theo quy định tại Điều a, b, c Khoản 2 Điều này tùy theo số lượng học sinh được hưởng và nguồn kinh phí hiện có.

#### Điều 6. Hồ sơ đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ

1. Đối với học sinh tiểu học, trung học cơ sở đang học tại các trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn, hồ sơ gồm:

- a) Đơn đề nghị hỗ trợ (đối với học sinh tiểu học theo Mẫu số 01, học sinh trung học cơ sở theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này).
- b) Sổ hộ khẩu (bản sao có mang bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính; trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc phải có giấy xác nhận của Trưởng Công an xã).

2. Đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số, hồ sơ gồm:

- a) Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này);

b) Sổ hộ khẩu (bản sao có mang bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính; trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc phải có giấy xác nhận của Trưởng Công an xã).

3. Đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh, hồ sơ gồm:

- a) Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này);

- b) Sổ hộ khẩu (bản sao có mang bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính; trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc phải có giấy xác nhận của Trưởng Công an xã);
- c) Giấy tờ chứng minh là hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc xác nhận cho đối tượng.

4. Đối với trường phổ thông dân tộc bán trú, hồ sơ gồm:

- a) Dự toán đề nghị hỗ trợ kinh phí và hỗ trợ gạo;
- b) Danh sách học sinh bán trú đang học tại trường được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt;
- c) Danh sách học sinh bán trú phải tự lo chỗ ở.

5. Đối với trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này, hồ sơ gồm:

- a) Dự toán đề nghị hỗ trợ kinh phí và hỗ trợ gạo;
- b) Danh sách học sinh bán trú thuộc diện được hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này ăn, ở bán trú tại trường;
- c) Danh sách học sinh bán trú phải tự lo chỗ ở.

#### **Điều 7. Trình tự, thủ tục xét duyệt hưởng chính sách hỗ trợ**

##### **1. Trình tự và thời gian thực hiện**

- a) Vào thời Điểm học sinh đầu cấp làm thủ tục nhập học, nhà trường có học sinh theo học thuộc diện hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này tổ chức phổ biến, thông báo rộng rãi, hướng dẫn cho bố, mẹ (hoặc người giám hộ hợp pháp) và học sinh thuộc đối tượng được hưởng chính sách chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 hoặc Khoản 2 hoặc Khoản 3 Điều 6 của Nghị định này;
- b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày niêm yết thông báo, gia đình hoặc học sinh nộp hồ sơ cho nhà trường. Mỗi đối tượng nộp 01 bộ hồ sơ cho 01 lần đầu khi đề nghị xét, cấp trong cùng một trường, riêng trường hợp thuộc hộ nghèo phải nộp bổ sung giấy tờ chứng minh là hộ nghèo theo từng năm học;
- c) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, nhà trường có trách nhiệm xét duyệt và lập hồ sơ theo quy định tại Khoản 4 hoặc Khoản 5 Điều 6 của Nghị định này gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo đối với các trường tiểu học và trung học cơ sở; gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo đối với các trường trung học phổ thông.

##### **2. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định hưởng chính sách hỗ trợ**

- a) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị hỗ trợ của các nhà trường, Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt; Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;
- b) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ trình của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt;
- c) Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo gửi kết quả phê duyệt học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ để các trường thông báo công khai và tổ chức triển khai thực hiện.

##### **3. Giải quyết khiếu nại**

Nhà trường có trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả xét duyệt học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ (nếu có) trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi công bố kết quả.

#### **Điều 8. Quy trình tổ chức hỗ trợ gạo cho học sinh**

##### **1. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ gạo cho học sinh**

- a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch về nhu cầu hỗ trợ gạo cho học sinh của năm học với nội dung gồm:
  - Số lượng học sinh thuộc đối tượng hỗ trợ: Tổng hợp số lượng học sinh theo từng đối tượng, từng trường của từng địa phương;
  - Số lượng gạo cần hỗ trợ (tính cho cả năm học tối đa 9 tháng/năm học/học sinh);
  - Đơn vị tiếp nhận gạo: Là tổ chức, đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ tiếp nhận gạo dự trữ quốc gia;
  - Thời gian dự kiến tiếp nhận gạo trong năm học: Ghi rõ ngày, tháng nhận gạo (theo số đợt tiếp nhận gạo từng học kỳ).

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo kế hoạch về nhu cầu hỗ trợ gạo cho học sinh của tỉnh gửi Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

## 2. Quyết định hỗ trợ gạo cho học sinh

Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân các tỉnh, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quyết định hỗ trợ gạo cho học sinh các địa phương trong năm học; thời gian ban hành Quyết định hỗ trợ gạo trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

## 3. Phương thức vận chuyển, giao nhận

a) Các đơn vị dự trữ quốc gia tự tổ chức vận chuyển gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ cho học sinh và giao cho đơn vị tiếp nhận gạo của tỉnh tại trung tâm quận, huyện, thị xã, thành phố của các tỉnh được hỗ trợ;

b) Đơn vị tiếp nhận gạo của tỉnh tổ chức vận chuyển gạo dự trữ quốc gia từ trung tâm quận, huyện, thị xã, thành phố của tỉnh đến các trường học, cấp phát cho các đối tượng được hỗ trợ.

## 4. Thời gian giao nhận gạo

Thời gian giao nhận gạo cụ thể thực hiện theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhưng không quá 2 lần/học kỳ.

## 5. Quy trình xuất cấp gạo

a) Bộ Tài chính chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc xuất cấp gạo dự trữ quốc gia để hỗ trợ cho học sinh tại các địa phương;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức tiếp nhận gạo và cấp phát cho các đối tượng được hỗ trợ theo quy định.

## 6. Quản lý và sử dụng gạo hỗ trợ học sinh

a) Gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh khi xuất cấp, tiếp nhận phải được quản lý chặt chẽ;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo đơn vị tiếp nhận gạo của tỉnh chủ động phối hợp với các ban, ngành, tổ chức có liên quan và chính quyền địa phương để có kế hoạch triển khai thực hiện, phân phối kịp thời gạo dự trữ quốc gia đến đúng đối tượng quy định. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý, phân phối, sử dụng gạo hỗ trợ cho học sinh của địa phương mình;

c) Định kỳ kết thúc năm học, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo việc tiếp nhận, phân phối gạo cho học sinh đến Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

## Điều 9. Quy trình lập dự toán, phân bổ, quyết toán và hỗ trợ kinh phí

1. Đối với Khoản kinh phí hỗ trợ tiền ăn, nhà ở cho học sinh và kinh phí hỗ trợ cho trường phổ thông theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 5 Nghị định này:

a) Hàng năm, vào thời Điểm lập dự toán ngân sách nhà nước, các trường căn cứ vào số lượng học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ để lập danh sách, xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho học sinh và hỗ trợ cho các nhà trường như sau:

- Đối với các trường trực thuộc cấp huyện quản lý gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo thẩm định, tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện;

- Đối với các trường trực thuộc cấp tỉnh quản lý gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định, tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện.

b) Phân bổ dự toán: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ kinh phí thực hiện chính sách trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục đào tạo địa phương theo chế độ quy định.

## c) Quản lý và quyết toán kinh phí

- Các đơn vị được giao kinh phí thực hiện chính sách cho học sinh có trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí đúng Mục đích, theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và gửi báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện các chính sách này về cơ quan quản lý cấp trên để tổng hợp, gửi cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 20 tháng 7 hàng năm làm căn cứ xác định, bố trí dự toán kinh phí của năm kế hoạch.

- Số liệu quyết toán kinh phí chi trả chính sách cho học sinh được tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của đơn vị theo đúng quy định hiện hành của Luật ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật và Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

d) Kinh phí hỗ trợ tiền ăn và tiền nhà ở cho học sinh được chi trả, cấp phát hàng tháng;

e) Căn cứ Điều kiện thực tế tại địa phương, các trường chủ động quyết định phương án tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh trong trường hoặc trực tiếp phát gạo, tiền ăn cho học sinh;

e) Trường hợp học sinh thuộc đối tượng được hưởng nhiều chính sách cùng tính chất thi chỉ được hưởng một chính sách với mức hỗ trợ cao nhất.

2. Đối với các Khoản hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị cho trường phổ thông dân tộc bán trú được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

#### **Điều 10. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ**

1. Kinh phí hỗ trợ tiền ăn, hỗ trợ tiền nhà ở cho học sinh và hỗ trợ mua sắm, bổ sung, sửa chữa dụng cụ phục vụ sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, hỗ trợ lập tủ thuốc dùng chung cho học sinh bán trú và kinh phí phục vụ tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh tại trường, kinh phí vận chuyển gạo được cân đối trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo hằng năm của địa phương. Ngân sách trung ương thực hiện hỗ trợ cho các địa phương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật và cơ chế hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Kinh phí hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất bao gồm cải tạo, nâng cấp, xây mới nhà ở, nhà bếp, phòng ăn, nhà tắm, công trình vệ sinh, công trình nước sạch, giường nằm và mua sắm các thiết bị kèm theo được bố trí từ nguồn ngân sách xây dựng cơ bản hằng năm của địa phương, kinh phí chương trình Mục tiêu của ngành giáo dục, kinh phí lồng ghép các chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình Mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

3. Nguồn gạo hỗ trợ từ nguồn gạo dự trữ quốc gia.

#### **Điều 11. Tổ chức thực hiện**

##### **1. Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Chủ trì kiểm tra, đánh giá, tổng hợp tình hình thực hiện chính sách, hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

##### **2. Bộ Tài chính**

a) Bố trí nguồn kinh phí thường xuyên hỗ trợ các địa phương thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp quản lý hiện hành;

b) Ban hành quyết định xuất cấp gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh trên cơ sở đề nghị của địa phương, bảo đảm phù hợp với thời gian và sự tăng, giảm số lượng học sinh thụ hưởng chính sách trong mỗi học kỳ của năm học; báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả xuất cấp gạo dự trữ quốc gia theo quy định;

c) Trình cấp có thẩm quyền bảo đảm kinh phí để mua bù số lượng gạo dự trữ quốc gia đã xuất cấp và cung ứng đủ gạo cho các địa phương thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định này;

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí, gạo hỗ trợ cho các đối tượng chính sách quy định tại Nghị định này.

##### **3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

a) Bố trí nguồn vốn xây dựng cơ bản hỗ trợ các địa phương thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này;

b) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn xây dựng cơ sở vật chất cho trường phổ thông dân tộc bán trú của các địa phương.

##### **4. Ủy ban Dân tộc**

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành ở trung ương và các địa phương chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này.

##### **5. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

###### **a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh**

Căn cứ vào quy định tại Điều b Khoản 1 và Khoản 2 Điều 4, Điều d Khoản 2 Điều 5 của Nghị định này và Điều kiện thực tế của địa phương để quy định cụ thể về Khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định cụ thể về tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh để nhà trường chủ động trong việc tổ chức nấu ăn cho học sinh tại trường.

###### **b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

- Xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này tổng hợp vào kế hoạch các chương trình, dự án và kế hoạch ngân sách địa phương gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời gian báo cáo kế hoạch Nhà nước hằng năm.

- Huy động các nguồn lực của địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để hỗ trợ các trường tổ chức công tác chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh bán trú.
- Chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm việc thực hiện chính sách đúng đối tượng, mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ của năm học; hằng năm tổng kết, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện chính sách gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

#### **Điều 12. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành Nghị định**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2016.
2. Các Quyết định số: 85/2010/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bản trú; 12/2013/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh phổ thông ở vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 36/2013/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ gạo cho học sinh các trường ở khu vực có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.
3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

#### **Noi nhậm:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (3b).kn